

Bản án số: 26/2019/DS-ST

Ngày 08- 10 -2019.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Đặng Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Chính

2. Ông Trương Thanh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2019/TLST- DS ngày 11/6/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-DS ngày 03/9/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 48/2019/QĐ- HPT ngày 18/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm Cầu Sang, thôn Thị Nguyên, xã Cao Dương, huyện Thanh Oai, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Hải Y, sinh năm 1974; địa chỉ: P2A3 Khu tập thể Học viện hậu cần, Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội; đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 11/6/2019 (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1. Chị Trần Thị A, sinh 1978; địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI D VU ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10/6/2019 nguyên đơn chị Nguyễn Thị D, cùng các lời khai và tại phiên tòa hôm nay do chị Nguyễn Hải Yên đại diện theo ủy quyền trình bày: Chị và chị Nguyễn Hải Yên, anh Nguyễn Hữu T là bạn của nhau, anh T đã lợi dụng tình bạn vay tiền của chị nhiều lần. Cụ thể ngày 14/8/2012 chị cho anh T vay

500.000.000 đồng, ngày 24/8/2012 chị cho anh T vay 400.000.000 đồng, ngày 05/4/2013 chị cho anh T vay 300.000.000 đồng, ngày 06/8/2013 chị cho anh T vay 200.000.000 đồng. Các lần vay đều do chị Yến chuyển tiền hộ từ chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp Thanh Xuân, Hà Nội vào tài khoản của anh Nguyễn Hữu T, ngày 06/8/2013 anh T đã viết giấy vay tiền với chị, với tổng số tiền đã vay là 1.400.000.000 đồng, việc viết giấy vay có chị Yến chứng kiến. Khi vay có thỏa thuận một thời gian ngắn sẽ trả và anh T có giao cho chị một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn hữu T, thửa số 539, tờ bản đồ số 7, diện tích 388m², thuộc thôn Non Giếng, xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Sau khi vay chị đã đòi nhiều lần nhưng anh T chưa trả cho chị đồng nào, nay chị yêu cầu anh T phải trả cho chị 1.400.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Việc chị cho anh T vay tiền chị A vợ anh T không biết nên chị không yêu cầu gì đối với chị A.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T: Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn không có văn bản gửi đến Tòa án và cũng không đến Tòa án làm việc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị A trình bày: Chị đã nhận được thông báo thụ lý vụ án số 64 ngày 17/6/2019 về hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị D với bị đơn anh Nguyễn Hữu T. Việc vay mượn tiền giữa anh T với chị D thế nào chị không biết, chị không chịu trách nhiệm, đề nghị Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt chị.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng trình tự tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ theo luật, đề nghị Hội đồng xét xử T chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Nguyễn Hữu T phải trả cho chị Nguyễn Thị D 1.400.000.000 đồng. Đề nghị T về lãi chậm thi hành án, tiền chi phí giám định, tiền án sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Hữu T bằng hình thức thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết theo luật định nhưng anh T vẫn vắng mặt. Chị Trần Thị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2] Nội D vụ án: Chị Nguyễn Thị D và chị Nguyễn Hải Yến, anh Nguyễn Hữu T là bạn của nhau. Do quan hệ quen biết anh T có vay tiền của chị D nhiều lần. Cụ thể ngày 14/8/2012 chị D cho anh T vay 500.000.000 đồng, ngày 24/8/2012 chị D cho anh T vay 400.000.000 đồng, ngày 05/4/2013 chị D cho anh T vay 300.000.000 đồng và ngày 06/8/2013 chị D cho anh T vay 200.000.000 đồng. Các lần vay đều do chị Yến

chuyển tiền hộ từ chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp Thanh Xuân, Hà Nội vào tài khoản của anh Nguyễn Hữu T, cùng ngày 06/8/2013 anh T đã viết giấy vay tiền với chị D, với tổng số tiền đã vay là 1.400.000.000 đồng, việc viết giấy vay có chị Yến chứng kiến, giấy vay không thỏa thuận lãi, không có thời hạn trả nợ. Khi vay anh T có giao cho chị một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn hữu T, thửa số 539, tờ bản đồ số 7, diện tích 388m², thuộc thôn Non Giếng, xã Khảm Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang để làm tin. Sau khi vay chị D đã đòi nhiều lần nhưng anh T chưa trả cho chị D đồng nào.

[3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của anh Nguyễn Hữu T trong giấy vay tiền ghi ngày 06/8/2013 giữa anh T và chị D với chữ ký và chữ viết của anh T ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi ngày 05/3/2012 do anh T ký và viết, được lưu tại văn phòng công chứng Nguyễn Văn Ngọc. Tại kết luận giám định số 1355/KL-PC09 ngày 23/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Giang đã kết luận. Chữ ký, chữ viết “Nguyễn Hữu T” dưới mục “Người vay tiền ký và ghi rõ họ tên” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Hữu T trên tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra.

[4] Như vậy có đủ căn cứ kết luận anh Nguyễn Hữu T có vay của chị Nguyễn Thị D 1.400.000.000 đồng, việc vay không thỏa thuận lãi, không có thời hạn trả, nay chị D đã đòi nhiều lần nhưng anh T không trả nên căn cứ Điều 471, Điều 477, Bộ luật dân sự 2005. Buộc anh T phải trả cho chị D số tiền còn nợ là 1.400.000.000 đồng.

Về lãi suất chậm thi hành án: Do giữa chị D và T không thỏa thuận được lãi chậm thi hành án nên cần buộc anh T phải trả lãi chậm thi hành án là 10%/năm.

Trong vụ án này chị D do chị Yến đại diện thừa nhận khi chị cho anh T vay, chị A vợ anh T không biết và chị cũng không yêu cầu gì đối với chị A nên chị A không có trách nhiệm liên quan.

Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh T giao cho chị D để làm tin khi vay tiền, nay không có đương sự nào yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Án phí, chi phí giám định và quyền kháng cáo: Chị D do chị Yến đại diện phải nộp 3.240.000 đồng tiền chi phí giám định, việc yêu cầu giám định của chị D là có căn cứ nên anh T phải thanh toán cho chị D 3.240.000 đồng tiền chi phí giám định. Anh T phải chịu 36.000.000 đồng + 3% x 600.000.000 đồng = 54.000.000 đồng án phí sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 471, Điều 477, Bộ luật dân sự 2005; Khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, Điều 150, Điều 157, khoản 2, khoản 4 Điều 161, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu,nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

1.Buộc anh Nguyễn Hữu T phải trả cho chị Nguyễn Thị D 1.400.000.000 (Một tỷ, bốn trăm triệu) đồng nợ gốc. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và chị D có đơn đề nghị thi hành án mà anh T không trả hết thì phải chi lãi suất là 10%/năm đối với số tiền chậm trả.

Buộc anh T phải thanh toán trả cho chị D 3.240.000 đồng tiền chi phí giám định.

2. *Án phí và quyền kháng cáo:* Anh Nguyễn Hữu T phải chịu 54.000.000 (Năm tư triệu) đồng án phí sơ thẩm.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị D 15.000.000(Mười lăm triệu) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2017/ 0004075 ngày 11/6/2019, ở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

-Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9, 7a, 7b Luật thi hành án dân; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng có trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND huyện LN;
- Các đương sự;
- THA huyện Lục Nam.
- Lưu vp, hồ sơ./.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Bảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA XÉT XỬ

Nguyễn Tiến Chinh Trương Thanh Cường

Đặng Văn Bảo

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND huyện LN;
- Các đương sự;
- THA huyện Lục Nam.
- Lưu vp, hồ sơ./.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Bảo